

Số: 57/KL-TTT

Hung Yên, ngày 28 tháng 7 năm 2026

KẾT LUẬN THANH TRA

**Về việc chấp hành pháp luật về điều kiện sản xuất,
kinh doanh, chất lượng thức ăn chăn nuôi và thực hiện nghĩa vụ đối với
ngân sách của Công ty TNHH liên kết đầu tư Livabin
tại xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên**

Thực hiện Quyết định số 260/QĐ-TTT ngày 18/6/2026 của Chánh Thanh tra tỉnh Hưng Yên về thanh tra việc chấp hành pháp luật về điều kiện sản xuất, kinh doanh, chất lượng thức ăn chăn nuôi và thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách của Công ty TNHH liên kết đầu tư Livabin tại xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên; từ ngày 23/6/2026 đến ngày 09/7/2026, Đoàn thanh tra theo Quyết định số 260/QĐ-TTT (viết tắt là Đoàn thanh tra) đã tiến hành thanh tra tại Công ty TNHH liên kết đầu tư Livabin.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 05/BC-ĐTTr ngày 20/7/2026 của Trưởng Đoàn thanh tra, Chánh thanh tra tỉnh kết luận như sau:

I. Khái quát chung:

- Công ty TNHH liên kết đầu tư Livabin (trước đây là Công ty TNHH công nghiệp Thương Phú, sau đây viết tắt là Công ty) được Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên (nay là Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên) cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0900241664, đăng ký lần đầu ngày 27/6/2005; Đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11/9/2025; địa chỉ trụ sở chính: thôn An Lạc, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên; Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Quốc Thiều, chức danh: Tổng Giám đốc; vốn điều lệ 50 tỷ đồng.

- Tại xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên (nay là xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên), Công ty thực hiện 02 Dự án, gồm:

+ Dự án nhà máy sản xuất chế biến thức ăn gia súc - Pigmax (Nhà máy số 01) được UBND tỉnh Hưng Yên chấp thuận dự án tại các Quyết định: số 3322/QĐ-UB ngày 11/8/2005; số 2258/QĐ-UBND ngày 08/11/2006 và số 39/QĐ-UBND ngày 08/4/2016 về chủ trương đầu tư trong đó chấp thuận nhà đầu tư là Công ty TNHH liên kết đầu tư Livabin với quy mô Dự án: 40.000 tấn/năm trên diện tích khu đất 29.037 m², thay thế các Quyết định: số 3322/QĐ-UB và 2258/QĐ-UBND nêu trên.

+ Dự án đầu tư Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi (Nhà máy số 02): được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 0501000170 ngày 15/12/2008 và Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 về điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của giấy chứng nhận đầu tư; với mục tiêu và quy mô Dự án: sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy hải sản 10.000 tấn/năm;

sản xuất và in ấn bao bì 10.000 tấn/năm; xây dựng, cho thuê nhà xưởng công nghiệp, kho, bãi 12.000 m²/năm trên diện tích khu đất 22.373 m².

Hiện, Công ty đang hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi tại Nhà máy số 01. Nhà máy số 01 đi vào hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi từ tháng 4 năm 2007 với một dây chuyền sản xuất, đến năm 2010 lắp đặt hoàn thành dây chuyền 2 và hoạt động từ tháng 01 năm 2011 cho đến nay.

- Công ty thực hiện hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung; Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12; Hình thức kê khai nộp thuế giá trị gia tăng: Theo phương pháp khấu trừ; Đăng ký, kê khai, nộp thuế tại Thuế tỉnh Hưng Yên.

II. Kết quả kiểm tra, xác minh

1. Việc chấp hành pháp luật về điều kiện sản xuất, kinh doanh, chất lượng thức ăn chăn nuôi (từ ngày 01/01/2024 đến thời điểm thanh tra)

1.1. Về điều kiện sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi

- Công ty được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hưng Yên (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi số 33/005/2021/TACN ngày 23/4/2021, trong đó chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc và thức ăn chăn nuôi có chứa kháng sinh. Việc duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi của Công ty đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường tiến hành đánh giá giám sát định kỳ đạt điều kiện để tiếp tục sản xuất tại các Thông báo số 14/TACN-ĐDG ngày 14/4/2023, số 112/TB-SNNMT ngày 10/4/2025 theo quy định tại khoản 5 Điều 11 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

- Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi không nằm trong khu vực bị ô nhiễm bởi hóa chất và chất thải nguy hại; có tường rào bao quanh, tách biệt với bên ngoài; khu sản xuất được thiết kế liên hoàn khép kín bắt đầu từ khi nhập liệu lên hệ thống nghiền, phối trộn và làm chín, ép viên cho đến đóng bao ra thành phẩm đảm bảo cho quá trình sản xuất theo quy trình một chiều đồng thời tách biệt giữa các khu sản xuất, nguyên liệu và thành phẩm để tránh nhiễm chéo.

- Công ty có 02 dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi với tổng công suất 40.000 tấn/năm phù hợp với từng loại sản phẩm thức ăn chăn nuôi.

- Công ty bố trí nơi bảo quản nguyên liệu thức ăn chăn nuôi theo khuyến cáo của tổ chức, cá nhân cung cấp; có điều hòa nhiệt độ, nhiệt kế theo dõi nhiệt độ, độ ẩm hàng ngày được ghi chép đầy đủ và có biện pháp kiểm soát sinh vật gây hại để không ảnh hưởng đến an toàn, chất lượng thức ăn chăn nuôi.

- Trang thiết bị, dụng cụ đo lường đang phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh đã được Công ty Cổ phần kiểm định kỹ thuật, an toàn và tư vấn xây dựng – INCOSAF và Công ty TNHH một thành viên tư vấn và kiểm định an toàn Việt Nam kiểm định và cấp giấy chứng nhận an toàn cho 21 loại thiết bị, dụng cụ, tại thời điểm kiểm tra các thiết bị đang sử dụng còn thời hạn kiểm định.

- Công ty đã có các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, Giấy phép môi trường số 2929/GPMT-UBND ngày 31/12/2024 đã được UBND tỉnh cấp theo quy định.

- Từ ngày 01/01/2024 đến thời điểm thanh tra, Công ty đã chấp hành đầy đủ chế độ thông tin báo cáo về tình hình sản xuất thức ăn chăn nuôi về Cục Chăn nuôi và Thú y và Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 21/2019/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về thức ăn chăn nuôi được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 31/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và và Phát triển nông thôn.

- Công ty có phòng thử nghiệm để phân tích chất lượng một số chỉ tiêu chất lượng trong quá trình sản xuất; người phụ trách kỹ thuật có chuyên môn phù hợp đảm bảo quy định tại điểm g, điểm h khoản 1 Điều 38 Luật Chăn nuôi năm 2018.

1.2. Việc ban hành và thực hiện các quy trình kiểm soát chất lượng

- Công ty đã xây dựng và ban hành quy trình kiểm soát chất lượng thức ăn chăn nuôi tại Quyết định số 08/QĐ/2021 – LVB ngày 01/3/2021 gồm các Quy trình: Kiểm soát chất lượng nước phục vụ sản xuất; Kiểm soát nguyên liệu đầu vào; Kiểm soát bao bì, vật dụng chứa nguyên liệu và thành phẩm; Kiểm soát quá trình sản xuất và thành phẩm; Kiểm soát tái chế; Kiểm soát mẫu lưu và lưu mẫu; Kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh thiết bị; Kiểm soát động vật gây hại; Kiểm soát vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị, dụng cụ; Kiểm soát thu gom và xử lý chất thải; Kiểm soát nhiễm chéo kháng sinh đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi có kháng sinh; Kiểm soát người ngoài ra, vào và khách thăm quan cơ sở sản xuất theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 48 Luật Chăn nuôi năm 2018.

- Trong quá trình sản xuất tại Công ty đã lập và ghi chép đầy đủ nội dung vào các biểu mẫu hồ sơ theo dõi sản xuất theo quy trình kiểm soát đã được ban hành; lưu mẫu, lưu giữ các quy trình, nhật ký sản xuất và các tài liệu về kết quả kiểm nghiệm, phân tích mẫu sản phẩm của Công ty sản xuất trong thời kỳ thanh tra theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 48 Luật Chăn nuôi năm 2018.

- Việc kiểm soát nguyên liệu, thành phẩm trong quá trình sản xuất tại Công ty đã cơ bản thực hiện theo đúng quy trình kiểm soát. Công ty đã sử dụng các loại nguyên liệu cơ bản có hồ sơ tài liệu về nguồn gốc xuất xứ, công bố tiêu chuẩn chất lượng và các phiếu kiểm nghiệm chất lượng; không thuộc danh mục hóa chất, sản phẩm sinh học, vi sinh vật cấm sử dụng trong thức ăn chăn nuôi theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 21/2019/TT-BNNPTNT. Quá trình sản xuất đã thực hiện lấy mẫu đối với nguyên liệu, thành phẩm để tự thực hiện kiểm nghiệm chất lượng của từng lô theo kế hoạch của quy trình kiểm soát chất lượng.

Tuy nhiên còn tồn tại như sau:



Không thực hiện trải pallet, bạt đảm bảo cách ẩm cho một số nguyên liệu để tránh hư hại (ngô, đậu tương) theo của Quy trình kiểm tra nguyên liệu nhập và lưu kho (QT-KT-01); Không ghi chép đầy đủ biểu mẫu thẻ kho tên nguyên vật liệu (BM.TNVL-KHO-03-2023) đối với một số loại nguyên liệu (ngô hạt, bột đá, cám mỳ, đậu tương hạt, cám gạo): thông tin ngày bắt đầu, ngày kết thúc và hạn sử dụng của từng lô, từng lần nhập hàng theo Quy định kiểm soát, bảo quản hàng hóa (BM-KSBQ-1-2023) được ban hành theo Quyết định số 08/QĐ/2021 – LVB ngày 01/3/2021 của Công ty là thực hiện không đầy đủ các nội dung trong quy trình kiểm soát chất lượng, vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Nghị định số 14/2021/NĐ-CP ngày 01/3/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi.

1.3. Việc quản lý chất lượng sản phẩm

1.3.1. Việc công bố tiêu chuẩn áp dụng, công bố hợp quy sản phẩm

- Công ty đã thực hiện việc công bố tiêu chuẩn áp dụng và công bố hợp quy cho 62 sản phẩm thức ăn chăn nuôi. Trong hồ sơ công bố tiêu chuẩn cơ sở của Công ty đã công bố đầy đủ các chỉ tiêu chất lượng thức ăn chăn nuôi bắt buộc phải công bố theo quy định tại Thông tư số 21/2019/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số Điều của Luật Chăn nuôi về thức ăn chăn nuôi được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 31/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Công ty đã ký hợp đồng với Văn phòng chứng nhận chất lượng (BQC) để thực hiện đánh giá hợp quy sản phẩm hợp quy đối với 62 loại sản phẩm thức ăn chăn nuôi trên và được cấp Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn tại các Quyết định: số 141/2024/QĐ-BQC ngày 06/3/2024 chứng nhận 38 sản phẩm phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-183:2016/BNNPTNT; số 142/2024/QĐ-BQC ngày 06/3/2024 chứng nhận 02 sản phẩm phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-190:2020/BNNPTNT; số 141-1/2024/QĐ-BQC ngày 26/4/2024 chứng nhận 22 sản phẩm phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-183:2016/BNNPTNT. Công ty đã nộp hồ sơ công bố hợp quy đến Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hưng Yên (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) để được tiếp nhận tại các Thông báo: số 76/TB-SNN ngày 14/3/2024, số 77/TB-SNN ngày 14/3/2024, số 236/TB-SNN ngày 27/6/2024.

Văn phòng chứng nhận chất lượng (BQC) đã tiến hành đánh giá giám sát việc duy trì hiệu lực của các Giấy chứng nhận đã cấp cho Công ty và thông báo duy trì hiệu lực tại Thông báo: số 222/TB-BQC ngày 22/02/2025 và số 226/TB-BQC ngày 24/02/2025.

Năm 2026, Công ty đã ký hợp đồng với Trung tâm kiểm nghiệm và chứng nhận TQC CGLOBAL để thực hiện đánh giá hợp quy sản phẩm hợp quy đối với 62 loại sản phẩm thức ăn chăn nuôi và được cấp Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn tại các Quyết định: số 2533.1/2026/QĐ-TQC ngày 13/3/2026 chứng nhận 60 sản phẩm phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-183:2016/BNNPTNT, số

2533.2/2026/QĐ-TQC ngày 13/3/2026 chứng nhận 02 sản phẩm phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-183:2016/BNNT.

1.3.2. Việc công bố thông tin và thực hiện ghi nhãn hàng hóa

Sau khi thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng và công bố hợp quy sản phẩm Công ty đã thực hiện công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với 62 sản phẩm thức ăn chăn nuôi theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Chăn nuôi năm 2018.

Tại thời điểm thanh tra, Công ty thực hiện ghi nhãn trên bao bì chứa đựng các loại sản phẩm thức ăn chăn nuôi cơ bản đầy đủ nội dung thông tin (trong đó không có sản phẩm sử dụng kháng sinh) theo quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa được thay thế tại Chương IV Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; đồng thời ghi các chỉ tiêu chất lượng bắt buộc phải công bố trên nhãn theo đúng quy định tại Điều 4 Thông tư số 21/2019/TT-BNNPTNT được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 Thông tư số 31/2022/TT-BNNPTNT.

Từ ngày 01/01/2024 đến thời điểm thanh tra, Công ty đã tiến hành sản xuất 53 loại sản phẩm thức ăn chăn nuôi phù hợp với yêu cầu đối với thức ăn chăn nuôi thương mại trước khi lưu thông trên thị trường theo quy định tại Điều 32 Luật Chăn nuôi năm 2018 được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ tại điểm a khoản 18, điểm c khoản 19 Điều 3 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 về sửa đổi, bổ sung 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

Tuy nhiên, việc ban hành và thực hiện Quy trình kiểm soát chất lượng của Công ty chưa đủ các chỉ tiêu phân tích (*thiếu các chỉ tiêu: Phốt pho tổng số, Methionine + Cystine, Threonine, kim loại nặng*) để bảo đảm thức ăn chăn nuôi phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng công bố áp dụng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 48 Luật Chăn nuôi năm 2018.

1.4. Việc ký và thực hiện các hợp đồng gia công

Trong thời gian từ ngày 01/01/2024 đến thời điểm thanh tra, Công ty đã ký hợp đồng thực hiện gia công sản phẩm thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng của 02 doanh nghiệp (Công ty Cổ phần thức ăn chăn nuôi Hà Nội tại các Hợp đồng: số 19092024/Livabin-Hano ngày 21/8/2024, số 19092024/Livabin-Hano ngày 19/9/2024 và số 10.07.2025/Livabin-Hano ngày 10/07/2025; Công ty Cổ phần dinh dưỡng Farmwell Việt Nam tại Hợp đồng số 07012026/Livabin-HT ngày 07/01/2026), trong đó bên nhận gia công chịu trách nhiệm tiến hành sản xuất và lập hồ sơ quản lý chất lượng sản phẩm; bên đặt hàng chịu trách nhiệm về việc công bố tiêu chuẩn chất lượng áp dụng, ghi nhãn hàng hóa theo quy định và chất lượng sản phẩm khi lưu hành trên thị trường. Kết quả thực hiện các hợp đồng gia công tại Công ty như sau:

- Công ty Cổ phần dinh dưỡng Farmwell Việt Nam thực hiện gia công 05



loại sản phẩm thức ăn chăn nuôi (gồm các mã sản phẩm: 103S, H51GT, 511S, H02S, 6789S) với tổng khối lượng nghiệm thu thanh toán là 55.930 kg.

- Công ty Cổ phần thức ăn chăn nuôi Hà Nội thực hiện gia công 05 loại sản phẩm thức ăn chăn nuôi (gồm các mã sản phẩm: GT-2, GF-2, H15S, VT1S) với tổng khối lượng nghiệm thu thanh toán là 587.235 kg.

- Quá trình sản xuất thức ăn chăn nuôi theo hợp đồng gia công tại Công ty chấp hành đầy đủ các quy định về điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi theo quy định của Luật Chăn nuôi năm 2018; lưu hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng, công bố hợp quy, nhật ký sản xuất, kết quả thử nghiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Chăn nuôi được bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ.

2. Việc thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách (thời kỳ từ 2023-2025)

2.1. Về tiền thuê đất

- **Đối với diện tích đất 29.037 m²:** Ngày 08/7/2020, Công ty ký lại Hợp đồng thuê đất số 156/HĐ-TĐ với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên với diện tích 29.037m², thời hạn thuê đất đến ngày 11/8/2055; đơn giá thuê đất là 12.000 đồng/m²/năm có thời gian ổn định 5 năm kể từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2024; phương thức nộp tiền thuê đất: trả tiền hàng năm. Ngày 23/6/2025, Chi cục thuế khu vực IV (nay Thuế tỉnh Hưng Yên) có Thông báo số 1986/TB-CCTKV04 về đơn giá thuê đất: 15.000 đồng/m²/năm có thời gian ổn định 5 năm kể từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2029. Theo Thông báo của cơ quan thuế trong 03 năm (2023-2025), Công ty được giảm 30% số tiền thuê đất phải nộp với số tiền 339.732.900 đồng (*Năm 2023: 104.533.200 đồng; Năm 2024: 104.533.200 đồng; Năm 2025: 130.666.500 đồng*). Như vậy, trong 03 năm (2023-2025) tổng số tiền Công ty phải nộp tiền thuê đất là 792.710.100 đồng (*Năm 2023: 243.910.800 đồng; Năm 2024: 243.910.800 đồng; Năm 2025: 304.888.500 đồng*) và Công ty đã nộp đủ số tiền trên vào ngân sách Nhà nước.

- **Đối với diện tích đất 22.373 m²:** Ngày 11/5/2017, Công ty ký Hợp đồng thuê đất số 70/HĐ-TĐ với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên với diện tích 22.373 m², thời hạn thuê đất đến ngày 11/8/2055; đơn giá thuê đất là 7.700đồng/m²/năm có thời gian ổn định 5 năm kể từ ngày 10/10/2016 đến ngày 09/10/2021; phương thức nộp tiền thuê đất: trả tiền hàng năm. Ngày 28/6/2017, Chi cục Thuế huyện Văn Lâm có Văn bản số 39/XN-CCT xác nhận Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ về tiền thuê đất đến hết ngày 19/11/2025. Ngày 17/6/2025, Chi cục thuế khu vực IV (nay là Thuế tỉnh Hưng Yên) có Thông báo số 1898/TB-CCTKV04 về đơn giá thuê đất: 15.000 đồng/m²/năm có thời gian ổn định 5 năm kể từ ngày 20/11/2025 đến ngày 19/11/2030. Ngày 19/9/2025, Thuế tỉnh Hưng Yên có Quyết định số 1875/QĐ-HYE về việc giảm 30% số tiền thuê đất phải nộp năm 2025 với số tiền 8.389.875 đồng. Như vậy, tổng số tiền thuê đất phải nộp theo thông báo của cơ quan thuế là 19.576.375 đồng và Công ty đã nộp đủ số tiền trên vào ngân sách Nhà nước.

2.2. Về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Công ty đã kê khai, nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy định. Tổng số tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 03 năm (2023–2025) phải nộp là 55.522.800 đồng (Năm 2023: 18.507.600 đồng; Năm 2024: 18.507.600 đồng; Năm 2025: 18.507.600 đồng) và Công ty đã nộp đủ số tiền trên vào ngân sách Nhà nước.

2.3. Về lệ phí môn bài

Công ty đã nộp đủ tiền thuế môn bài đã nộp trong 03 năm là 9.000.000 đồng (3.000.000 đồng/năm) theo quy định,

2.4. Về thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty đã chấp hành quy định Luật Thuế giá trị gia tăng, việc kê khai thuế GTGT hàng tháng cơ bản đảm bảo theo đúng quy định, trong 03 năm (2023-2025) tổng số thuế GTGT phải nộp 4.096.904.769 đồng (năm 2023: 1.396.588.202 đồng; năm 2024: 1.181.511.436 đồng; năm 2025: 1.518.805.131 đồng) và Công ty đã nộp đủ số tiền trên vào ngân sách Nhà nước.

2.5. Về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Qua kiểm tra hồ sơ, tài liệu do Công ty cung cấp trong 03 năm (2023-2025) cho thấy: Công ty chấp hành quy định Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp như nộp tờ khai quyết toán thuế và báo cáo tài chính cho cơ quan thuế đầy đủ theo quy định, trong 03 năm (2023-2025) tổng số thuế TNDN phát sinh phải nộp 82.053.961 đồng (năm 2023 và năm 2024 là 0 đồng; năm 2025: 82.053.961 đồng) và Công ty đã nộp đủ số tiền trên vào ngân sách Nhà nước.

2.6. Về thuế thu nhập cá nhân (TNCN)

Căn cứ báo cáo của đơn vị và hồ sơ, tài liệu cung cấp cho Đoàn thanh tra cho thấy trong 3 năm (2023-2025) đơn vị kê khai, quyết toán thuế TNCN và nộp thuế cơ bản đảm bảo theo quy định. Tuy nhiên qua thanh tra tính tăng số thuế TNCN phải nộp đối với một số hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán với số tiền 438.019.707 đồng (có bảng kê chi tiết theo Phụ lục đính kèm theo) nguyên nhân do đơn vị khai thay, nộp thay thuế TNCN còn thiếu đối với một số hộ kinh doanh được hưởng chiết khấu thương mại được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 8 Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

III. Kết luận

1. Kết quả đạt được

Công ty TNHH liên kết đầu tư Livabin trong giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến thời điểm thanh tra đã cơ bản chấp hành quy định của pháp luật về điều kiện sản xuất, kinh doanh, chất lượng thức ăn chăn nuôi như đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi theo quy định của pháp luật; đã xây dựng, ban hành và thực hiện các quy trình kiểm soát chất lượng thức ăn chăn nuôi; thực



hiện quản lý chất lượng sản phẩm; ký và thực hiện cá hợp đồng gia công thức ăn chăn nuôi theo quy định.

Giai đoạn từ năm 2023-2025, Công ty đã thực hiện kê khai, quyết toán thuế cơ bản đảm bảo theo biểu mẫu, thời gian theo quy định của pháp luật; thực hiện việc kê khai và thực hiện nộp các khoản tiền phát sinh vào NSNN đầy đủ (*tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, phí môn bài, thuế GTGT, TNDN*) theo quy định.

2. Tồn tại, vi phạm

Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi và thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước, Công ty còn một số tồn tại, hạn chế, cụ thể:

- Về chấp hành pháp luật về điều kiện sản xuất, kinh doanh, chất lượng thức ăn chăn nuôi (từ ngày 01/01/2024 đến thời điểm thanh tra):

- + Việc ban hành và thực hiện Quy trình kiểm soát chất lượng của Công ty chưa đủ các chỉ tiêu phân tích (*thiếu các chỉ tiêu: Phốt pho tổng số, Methionine + Cystine, Threonine, kim loại nặng*) để bảo đảm thức ăn chăn nuôi phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng công bố áp dụng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 48 Luật Chăn nuôi năm 2018.

- + Thực hiện không đầy đủ các nội dung trong quy trình kiểm soát chất lượng (Không thực hiện trải pallet, bạt đảm bảo cách ẩm cho một số nguyên liệu để tránh hư hại (ngô, đậu tương) theo của Quy trình kiểm tra nguyên liệu nhập và lưu kho (QT-KT-01); Không ghi chép đầy đủ biểu mẫu thẻ kho tên nguyên vật liệu (BM.TNVL-KHO-03-2023) đối với một số loại nguyên liệu (ngô hạt, bột đá, cám mỳ, đậu tương hạt, cám gạo): thông tin ngày bắt đầu, ngày kết thúc và hạn sử dụng của từng lô, từng lần nhập hàng theo Quy định kiểm soát, bảo quản hàng hóa (BM-KSBQ-1-2023) được ban hành theo Quyết định số 08/QĐ/2021 – LVB ngày 01/3/2021 của Công ty), vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Nghị định số 14/2021/NĐ-CP ngày 01/3/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi.

- Về thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách (thời kỳ từ năm 2023-2025): Việc kê khai thay, nộp thay thuế TNCN của một số hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán còn thiếu với số tiền 438.019.707 đồng.

3. Nguyên nhân để xảy ra tồn tại, hạn chế, vi phạm

Việc cập nhật, nghiên cứu, tìm hiểu các văn bản quy phạm pháp luật liên quan của Công ty còn hạn chế; việc theo dõi, giám sát thực hiện các quy trình kiểm soát chất lượng tại Công ty còn có thời điểm chưa chặt chẽ.

4. Trách nhiệm để xảy ra những tồn tại, hạn chế, vi phạm

Trách nhiệm để xảy ra những tồn tại, vi phạm tại mục 2 phần III nêu trên thuộc trách nhiệm của Công ty TNHH liên kết đầu tư Livabin.

IV. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã được áp dụng

Đoàn thanh tra đã lập biên bản làm việc ghi nhận hành vi vi phạm; ngày 10/7/2026 Thanh tra tỉnh đã có Văn bản số 996/TTT-P6 chuyển đến Chi cục Chăn nuôi và Thú y để xem xét, xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi về thực hiện không đầy đủ các nội dung trong quy trình kiểm soát chất lượng, vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Nghị định số 14/2021/NĐ-CP ngày 01/3/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi theo thẩm quyền. Ngày 15/7/2026, Chi cục Trưởng Chi cục Chăn nuôi và Thú y đã ban hành Quyết định số 117/QĐ-XPHC ngày 15/7/2026 xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH liên kết đầu tư Livabin với tổng số tiền là: 16.000.000 đồng; ngày 20/7/2026 Công ty đã nộp đủ số tiền phạt nêu trên vào ngân sách Nhà nước.

V. Kiến nghị các biện pháp xử lý

Từ kết quả thanh tra nêu trên, căn cứ Luật Thanh tra năm 2025; Luật Chăn nuôi năm 2018 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025), Luật Quản lý thuế năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành tra luật; Chánh Thanh tra tỉnh đề nghị:

1. Xử lý về kinh tế

Thu hồi về tài khoản tạm giữ số 3949.0.1060137 tại Kho bạc Nhà nước khu vực IV của Thanh tra tỉnh số tiền 438.019.707 đồng của Công ty TNHH liên kết đầu tư Livabin do tăng số tiền thuế TNCN phải nộp so với số khai thay, nộp thay thuế TNCN của một số hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra tỉnh Hưng Yên để xử lý nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu Công ty TNHH liên kết đầu tư Livabin

- Rút kinh nghiệm, khắc phục những tồn tại, hạn chế, vi phạm tại mục 2 phần III nêu trên và nghiêm túc thực hiện các quyết định xử lý vi phạm của người có thẩm quyền; cụ thể như sau:

+ Thực hiện trái pallet, bạt đảm bảo cách ẩm cho một số nguyên liệu để tránh hư hại (ngô, đậu tương) theo của Quy trình kiểm tra nguyên liệu nhập và lưu kho (QT-KT-01). Thời gian hoàn thành trước ngày 15/8/2026.

+ Thực hiện xây dựng, ban hành và thực hiện Quy trình kiểm soát chất lượng, trong đó phân tích đầy đủ các chỉ tiêu để bảo đảm thức ăn chăn nuôi phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng công bố áp dụng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 48 Luật Chăn nuôi năm 2018. Thời gian hoàn thành trước ngày 15/8/2026.

+ Ghi chép đầy đủ biểu mẫu thẻ kho tên nguyên vật liệu (BM.TNVL-KHO-03-2023) đối với một số loại nguyên liệu (ngô hạt, bột đá, cám mỳ, đậu tương hạt, cám gạo): thông tin ngày bắt đầu, ngày kết thúc và hạn sử dụng của từng lô, từng lần nhập hàng theo Quy định kiểm soát, bảo quản hàng hóa (BM-KSBQ-1-2023); Thường xuyên theo dõi, giám sát việc thực hiện quy trình kiểm soát chất lượng do Công ty đã ban hành nhằm duy trì đầy đủ các quy định về điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi theo quy định.

- Thực hiện nghiêm túc việc kê khai, quyết toán thuế theo đúng quy định của Luật quản lý thuế, Luật kế toán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Nộp đầy đủ số tiền 438.019.707 đồng qua Thanh tra tỉnh để xử lý nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Đề nghị

- Thuế tỉnh Hưng Yên: Căn cứ quy định của pháp luật, xem xét xử lý vi phạm việc thực hiện pháp luật về thuế tại Công ty TNHH liên kết đầu tư Livabin phát hiện qua thanh tra.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo đơn vị chuyên môn tăng cường kiểm tra việc chấp hành pháp luật về chăn nuôi.

4. Tổ chức thực hiện

Căn cứ Luật Thanh tra năm 2025, Công ty TNHH liên kết đầu tư Livabin, Thuế tỉnh Hưng Yên tổ chức thực hiện Kết luận thanh tra và báo cáo kết quả thực hiện bằng văn bản (kèm theo tài liệu chứng minh) gửi Thanh tra tỉnh Hưng Yên chậm nhất ngày 15/8/2026.

Trên đây là Kết luận thanh tra về việc chấp hành pháp luật về điều kiện sản xuất, kinh doanh, chất lượng thức ăn chăn nuôi và thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách của Công ty TNHH liên kết đầu tư Livabin tại xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên./: 

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Chánh Thanh tra tỉnh;
- Thuế tỉnh Hưng Yên;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Cổng thông tin điện tử Thanh tra tỉnh;
- Các phòng: 1, 4, 6;
- Lưu: VT, HS. 

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Lê Xuân Khánh



PHỤ LỤC 1

Tổng hợp tờ khai thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh
(Kèm Kết luận thanh tra số 57/KL-TTT ngày 28/7/2026 của Thanh tra tỉnh Hưng Yên)

Đơn vị tính: đồng

Kỳ tính thuế	Số báo cáo của đơn vị thuế TNCN phải nộp		Số kiểm tra thuế TNCN phải nộp		Chênh lệch thuế TNCN phải nộp	
Năm	Doanh thu	Số thuế	Doanh thu	Số thuế	Doanh thu	Số thuế
Năm 2023						
Tháng 1	147.351.000	736.755	2.636.303.840	13.181.519	2.488.952.840	12.444.764
Tháng 2	84.845.000	424.225	2.066.675.060	10.333.375	1.981.830.060	9.909.150
Tháng 3	188.857.000	944.285	3.277.885.170	16.389.426	3.089.028.170	15.445.141
Tháng 4	77.587.000	387.935	1.828.277.440	9.141.387	1.750.690.440	8.753.452
Tháng 5	84.630.000	423.150	1.396.726.045	6.983.630	1.312.096.045	6.560.480
Tháng 6	42.051.000	210.255	1 324 817 745	6 624 089	1.282.766.745	6.413.834
Tháng 7	63.795.000	318.975	1.597.743.905	7.988.720	1.533.948.905	7.669.745
Tháng 8	48.801.000	244.005	1.373.766.145	6.868.831	1.324.965.145	6.624.826
Tháng 9	74.163.000	370.815	1.518.845.860	7.594.229	1.444.682.860	7.223.414
Tháng 10	76.655.000	383.275	1.943.574.840	9.717.874	1.866.919.840	9.334.599
Tháng 11	57.432.000	287.160	1.630.349.995	8.151.750	1.572.917.995	7.864.590
Tháng 12	34.789.000	173.945	1.737.843.405	8.689.217	1.703.054.405	8.515.272
Cộng	980.956.000	4.904.780	22.332.809.450	111.664.047	21.351.853.450	106.759.267
Năm 2024						
Tháng 1	67.229.000	336.145	2 128 538 855	10 642 694	2.061.309.855	10.306.549
Tháng 2	51.895.000	259.475	1.610.876.525	8.054.383	1.558.981.525	7.794.908
Tháng 3	88.535.000	442.675	3.224.112.325	16.120.562	3.135.577.325	15.677.887
Tháng 4	64.078.000	320.390	1.661.513.860	8.307.569	1.597.435.860	7.987.179
Tháng 5	90.741.000	453.705	1.403.529.560	7.017.648	1.312.788.560	6.563.943

Kỳ tính thuế	Số báo cáo của đơn vị thuế TNCN phải nộp		Số kiểm tra thuế TNCN phải nộp		Chênh lệch thuế TNCN phải nộp	
	Doanh thu	Số thuế	Doanh thu	Số thuế	Doanh thu	Số thuế
Năm						
Tháng 6	68.629.000	343.145	1.654.725.450	8.273.627	1.586.096.450	7.930.482
Tháng 7	52.911.000	264.555	1.921.959.890	9.609.799	1.869.048.890	9.345.244
Tháng 8	75.173.000	375.865	2.087.496.585	10.437.483	2.012.323.585	10.061.618
Tháng 9	82.791.000	413.955	2.409.885.245	12.049.426	2.327.094.245	11.635.471
Tháng 10	132.323.000	661.615	2.496.749.625	12.483.748	2.364.426.625	11.822.133
Tháng 11	159.876.000	799.380	2.942.591.045	14.712.955	2.782.715.045	13.913.575
Tháng 12	137.748.000	688.740	2.915.902.125	14.579.511	2.778.154.125	13.890.771
Cộng	1.071.929.000	5.359.645	26.457.881.090	132.289.405	25.385.952.090	126.929.760
Năm 2025						
Tháng 1	173.095.000	865.475	3.472.376.510	17.361.883	3.299.281.510	16.496.408
Tháng 2	103.916.000	519.580	3.393.955.870	16.969.779	3.290.039.870	16.450.199
Tháng 3	184.545.000	922.725	4.863.702.400	24.318.512	4.679.157.400	23.395.787
Tháng 4	113.591.000	567.955	3.344.852.515	16.724.263	3.231.261.515	16.156.308
Tháng 5	119.562.550	597.813	3.627.394.674	18.136.973	3.507.832.124	17.539.161
Tháng 6	68.297.000	341.485	3.543.814.405	17.719.072	3.475.517.405	17.377.587
Tháng 7	152.496.000	762.480	3.656.310.085	18.281.550	3.503.814.085	17.519.070
Tháng 8	159.728.005	798.640	2.847.466.260	14.237.331	2.687.738.255	13.438.691
Tháng 9	147.477.000	737.385	3.090.669.355	15.453.347	2.943.192.355	14.715.962
Tháng 10	169.130.250	845.651	3.513.780.330	17.568.902	3.344.650.080	16.723.250
Tháng 11	132.996.000	664.980	3.537.135.735	17.685.679	3.404.139.735	17.020.699
Tháng 12	184.063.000	920.315	3.683.574.515	18.417.873	3.499.511.515	17.497.558
Cộng	1.708.896.805	8.544.484	42.575.032.654	212.875.163	40.866.135.849	204.330.679
Cộng 3 năm	3.761.781.805	18.808.909	91.365.723.194	456.828.616	87.603.941.389	438.019.707



PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 57/KL-TTT ngày 28/7/2026 của Thanh tra tỉnh Hưng Yên)

I. TỔNG HỢP VI PHẠM VÀ XỬ LÝ VI PHẠM VỀ KINH TẾ

STT	Cơ quan/tổ chức/Đơn vị/ cá nhân vi phạm	Nội dung vi phạm	Tổng giá trị vi phạm		Kiến nghị xử lý								Ghi chú
			Tiền hoặc tài sản quy thành tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Kiến nghị thu hồi				Xuất toán	Giảm trừ quyết toán	Xử lý khác		
					Về ngân sách nhà nước		Về cơ quan, tổ chức, đơn vị (không phải NSNN)						
			Tiền (Tr.đ)	Nhà, đất (m ²)	Tiền (Tr.đ)	Nhà, đất (m ²)	Tiền (Tr.đ)	Tiền (Tr.đ)	Tiền (Tr.đ)	Nhà, đất (m ²)			
1	Công ty TNHH liên kết đầu tư Livabin	Thực hiện không đầy đủ các nội dung trong quy trình kiểm soát, vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Nghị định số 14/2021/NĐ-CP ngày 01/3/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi											
		Từ năm 2023-2025, Việc kê khai thay, nộp thay thuế TNCN của một số hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán còn thiếu với số tiền 438.019.707 đồng.	438,019		438,019								
		Tổng cộng			438,019								

II. TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM

STT	Tên tổ chức/cá nhân vi phạm	Nội dung vi phạm	Kiến nghị xử lý trách nhiệm			Ghi chú
			Hành chính	Chuyển cơ quan công an	Chuyển cơ quan chức năng khác	
1	Công ty TNHH liên kết đầu tư Livabin	Thực hiện không đầy đủ các nội dung trong quy trình kiểm soát chất lượng	X			Chi cục Trưởng Chi cục Chăn nuôi và thú y đã XPVPHC và Công ty đã chấp hành QĐXPVPHC
		Xử lý vi phạm về việc thực hiện pháp luật về thuế	x			